

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 36
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 36

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt kim Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dệt kim Hà Nội (tiền thân là Công ty Dệt kim Hà Nội) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo quyết định số 1288/QĐ-UB của UBND Thành phố Hà Nội. Công ty được cấp giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu số 0103007210 ngày 25 tháng 3 năm 2005, Công ty được cấp lại mã số doanh nghiệp theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100657 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 26 tháng 7 năm 2016.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thuộc ngành dệt may;
- Xuất khẩu các sản phẩm thuộc ngành dệt may, vật liệu tiêu dùng;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, nhà xưởng và cửa hàng giới thiệu sản phẩm;
- Cung cấp các dịch vụ kèm theo kinh doanh bất động sản.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Lô 2, CN5, cụm Công nghiệp tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Tấn Anh	Chủ tịch	
Ông Mai Xuân Sơn	Ủy viên	
Bà Phạm Thị Hợp	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đình Chiến	Ủy viên	
Ông Đào Đình Tâm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/6/2018
Ông Tạ Trung Dũng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23/6/2018

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Tấn Anh	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Cúc	Phó Giám đốc
Bà Phạm Thị Hợp	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2019

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



Bùi Tấn Anh

Số: 36./2019/BCKT-AASCN.PB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt kim Hà Nội, được lập ngày 21 tháng 3 năm 2019, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-28) 3910 4881 * Fax: (84-28) 3910 4880
Email: infohcm@asacn.com.vn Web: www.asacn.com.vn

The North Branch

LK7-TT2, 96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung, Thanh Xuan, Ha Noi
Tel: (84-24) 3994 7969 * Fax: (84-24) 3793 1429
Email: admin@namvietpb.vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt kim Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dệt kim Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 20 tháng 3 năm 2018.

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2019

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc**

Giám đốc



Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2018-152-1

Kiểm toán viên

Trần Thị Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2019-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.012.598.778	66.619.447.806
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	7.797.218.177	25.970.844.898
1.	Tiền	111		2.297.218.177	25.970.844.898
2.	Các khoản tương đương tiền	112		5.500.000.000	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.813.513.996	21.656.789.178
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	1.793.911.376	22.167.136.378
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		235.750.000	312.000.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	7.616.199.820	10.000.000
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.04	(832.347.200)	(832.347.200)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	21.943.318.638	17.932.248.383
1.	Hàng tồn kho	141		21.943.318.638	17.932.248.383
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.458.547.967	1.059.565.347
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	71.562.500	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		927.164.190	83.343.066
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	459.821.277	976.222.281
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.163.260.044	37.997.832.067
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.03	10.000.000	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		28.209.560.505	30.085.711.608
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	28.209.560.505	30.085.711.608
	- Nguyên giá	222		63.681.317.772	61.885.375.272
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(35.471.757.267)	(31.799.663.664)
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.07	4.991.291.379	5.247.317.079
1.	Nguyên giá	231		7.680.770.977	7.680.770.977
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(2.689.479.598)	(2.433.453.898)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		1.952.408.160	2.664.803.380
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	1.952.408.160	2.664.803.380
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		75.175.858.822	104.617.279.873

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		38.105.548.700	68.475.761.904
I.	Nợ ngắn hạn	310		23.556.414.870	52.307.152.802
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	5.259.242.989	7.186.936.176
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	8.101.600.000	25.389.217.600
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	195.952.670	47.948.927
4.	Phải trả người lao động	314		4.189.749.600	903.947.000
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	674.063.305	20.179.510
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	874.914.869	908.097.620
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	264.476.155	1.110.116.539
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	3.627.107.495	16.430.591.643
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		369.307.787	310.117.787
II.	Nợ dài hạn	330		14.549.133.830	16.168.609.102
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.14	917.392.080	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.09	13.631.741.750	16.168.609.102
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		37.070.310.122	36.141.517.969
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	37.070.310.122	36.141.517.969
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		24.000.000.000	24.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		24.000.000.000	24.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.723.048.037	7.723.048.037
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.744.229.233	1.458.587.415
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.603.032.852	2.959.882.517
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		6.640.699	6.640.699
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.596.392.153	2.953.241.818
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		75.175.858.822	104.617.279.873

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Bùi Bích Phong

Phạm Thị Hợp

Bùi Tấn Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	117.796.343.884	91.508.895.919
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	18.889.217	22.234.825
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		117.777.454.667	91.486.661.094
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	99.872.525.990	78.119.827.402
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.904.928.677	13.366.833.692
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	1.052.834.497	126.438.191
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	2.223.330.538	1.918.059.355
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.871.317.159	1.873.064.205
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	5.057.320.432	4.118.722.017
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	7.152.479.872	5.238.213.119
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.524.632.332	2.218.277.392
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	17.683.825	1.623.042.927
12.	Chi phí khác	32	VI.07	29.971.334	124.178.199
13.	Lợi nhuận khác	40		(12.287.509)	1.498.864.728
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.512.344.823	3.717.142.120
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	915.952.670	763.900.302
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.596.392.153	2.953.241.818
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.498	1.169
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.498	1.169

Người lập biểu

Bùi Bích Phong

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hợp

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2019



Giám đốc

Bùi Tấn Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		117.587.298.021	98.948.519.768
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(91.570.062.294)	(60.434.181.291)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.073.540.910)	(13.389.472.400)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(1.888.135.721)	(1.852.884.695)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(767.400.302)	(895.979.627)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		851.033.935	4.080.355.136
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.934.634.321)	(5.950.340.587)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		204.558.408	20.506.016.304
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.299.942.500)	(1.387.912.300)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	15.400.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		782.108.871	1.561.020
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(517.833.629)	(1.370.951.280)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		71.152.910.678	54.572.229.551
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(86.493.262.178)	(45.851.340.291)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.520.000.000)	(2.400.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(17.860.351.500)	6.320.889.260
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(18.173.626.721)	25.455.954.284
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		25.970.844.898	515.048.001
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(157.387)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		7.797.218.177	25.970.844.898

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2019

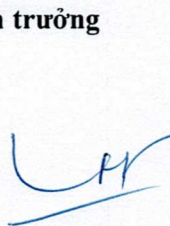
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Bích Phong





Phạm Thị Hợp

Bùi Tấn Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thuộc ngành dệt may;
- Xuất khẩu các sản phẩm thuộc ngành dệt may, vật liệu tiêu dùng;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, nhà xưởng và cửa hàng giới thiệu sản phẩm;
- Cung cấp các dịch vụ kèm theo kinh doanh bất động sản.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng số cán bộ, nhân viên và công nhân của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 180 người.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm mua bán;

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10 năm
- TSCĐ hữu hình khác	10 – 12 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	30 năm
-----------	--------

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có quyết định hoặc thông báo chia cổ tức cho các Cổ đông.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền	2.297.218.177	25.970.844.898
+ Tiền mặt	150.764.917	117.759.893
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.146.453.260	25.853.085.005
+ Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền (*)	5.500.000.000	-
Cộng	7.797.218.177	25.970.844.898

(*): Tại ngày 31/12/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam với lãi suất 4,5 %/năm.

02. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	1.793.911.376	22.167.136.378
- Công ty A Sen	436.005.780	436.005.780
- Bruin Corporation	396.341.420	396.341.240
- Itochu Corporation	-	1.403.076.825
- Tổng Cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng Lào	-	17.279.025.390
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	961.564.176	2.652.687.143
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	1.793.911.376	22.167.136.378

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
a. Ngắn hạn	7.616.199.820	-	10.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	7.603.860.000	-	-	-
- Phải thu khác	12.339.820	-	10.000.000	-
b. Dài hạn	10.000.000	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	10.000.000	-	-	-
Cộng	7.626.199.820	-	10.000.000	-

(*): Cục Trang bị và kho vận - Bộ Công an nộp tiền vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long. Số tiền sẽ được giải tỏa sau khi Công ty Cổ phần Dệt kim Hà Nội bàn giao đầy đủ hàng hóa, chứng từ, bảo lãnh bảo hành theo quy định của hợp đồng số 64/H41-HĐMB ngày 29/6/2018.

04. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
- Công ty A Sen	436.005.780	-	436.005.780	-
- Bruin Corporation	396.341.420	-	396.341.420	-
Cộng	832.347.200	-	832.347.200	-

05. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
- Nguyên liệu, vật liệu	10.395.122.369	-	9.870.847.178	-
- Công cụ, dụng cụ	58.111.177	-	31.129.714	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.822.708.977	-	4.685.004.446	-
- Thành phẩm	3.667.376.115	-	3.345.267.045	-
Cộng	21.943.318.638	-	17.932.248.383	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>26.379.415.543</i>	<i>30.492.079.111</i>	<i>1.057.577.273</i>	<i>88.847.238</i>	<i>3.867.456.107</i>	<i>61.885.375.272</i>
- Mua trong năm	-	1.795.942.500	-	-	-	1.795.942.500
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>26.379.415.543</i>	<i>32.288.021.611</i>	<i>1.057.577.273</i>	<i>88.847.238</i>	<i>3.867.456.107</i>	<i>63.681.317.772</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>8.427.608.434</i>	<i>18.815.758.009</i>	<i>760.013.352</i>	<i>81.273.249</i>	<i>3.715.010.620</i>	<i>31.799.663.664</i>
- Khấu hao trong năm	1.339.788.768	2.155.142.890	115.083.720	4.655.367	57.422.858	3.672.093.603
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>9.767.397.202</i>	<i>20.970.900.899</i>	<i>875.097.072</i>	<i>85.928.616</i>	<i>3.772.433.478</i>	<i>35.471.757.267</i>
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>17.951.807.109</i>	<i>11.676.321.102</i>	<i>297.563.921</i>	<i>7.573.989</i>	<i>152.445.487</i>	<i>30.085.711.608</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>16.612.018.341</i>	<i>11.317.120.712</i>	<i>182.480.201</i>	<i>2.918.622</i>	<i>95.022.629</i>	<i>28.209.560.505</i>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 10.102.966.245 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 16.267.463.973 VND và 11.125.304.927 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	7.680.770.977	-	-	7.680.770.977
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	7.680.770.977	-	-	7.680.770.977
II. Giá trị hao mòn lũy kế	2.433.453.898	256.025.700	-	2.689.479.598
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	2.433.453.898	256.025.700	-	2.689.479.598
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	5.247.317.079	-	(256.025.700)	4.991.291.379
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	5.247.317.079	-	(256.025.700)	4.991.291.379

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

08. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	71.562.500	-
- Chi phí trả trước khác	71.562.500	-
b. Dài hạn	1.952.408.160	2.664.803.380
- Chi phí sửa chữa, cải tạo	113.691.577	684.647.061
- Chi phí sử dụng hạ tầng Khu công nghiệp	1.838.716.583	1.980.156.319
Cộng	2.023.970.660	2.664.803.380

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	16.430.591.643	16.430.591.643	71.857.614.575	84.661.098.723	3.627.107.495	3.627.107.495
- Vay ngân hàng	15.010.591.643	15.010.591.643	68.760.292.160	81.366.719.003	2.404.164.800	2.404.164.800
+ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (a)	15.010.591.643	15.010.591.643	68.760.292.160	81.366.719.003	2.404.164.800	2.404.164.800
- Vay đối tượng khác	1.420.000.000	1.420.000.000	429.000.000	1.849.000.000	-	-
+ Vay cá nhân	1.420.000.000	1.420.000.000	429.000.000	1.849.000.000	-	-
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	2.668.322.415	1.445.379.720	1.222.942.695	1.222.942.695
+ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (b)	-	-	2.668.322.415	1.445.379.720	1.222.942.695	1.222.942.695
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16.168.609.102	16.168.609.102	1.963.618.518	4.500.485.870	13.631.741.750	13.631.741.750
b.1 vay dài hạn	16.168.609.102	16.168.609.102	1.963.618.518	4.500.485.870	13.631.741.750	13.631.741.750
Từ 1 năm đến 5 năm	16.168.609.102	16.168.609.102	1.963.618.518	4.500.485.870	13.631.741.750	13.631.741.750
- Vay ngân hàng	2.829.257.075	2.829.257.075	728.930.430	2.668.322.415	889.865.090	889.865.090
+ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (b)	2.829.257.075	2.829.257.075	728.930.430	2.668.322.415	889.865.090	889.865.090
- Vay đối tượng khác	13.339.352.027	13.339.352.027	1.234.688.088	1.832.163.455	12.741.876.660	12.741.876.660
+ Công ty CP Thi công cơ giới Xây lắp (c)	13.339.352.027	13.339.352.027	1.234.688.088	1.832.163.455	12.741.876.660	12.741.876.660
Cộng	32.599.200.745	32.599.200.745	73.821.233.093	89.161.584.593	17.258.849.245	17.258.849.245

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(a): Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 02/2018/HMTD/VCB-HKC ngày 04 tháng 5 năm 2018 với các điều khoản như sau:

- Hạn mức cho vay là 22.000.000.000 VND.
- Mục đích vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thời hạn cấp hạn mức: từ ngày ký hợp đồng đến 07/4/2019. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ
- Lãi suất tiền vay: được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất trong năm 2018 là: 6,2% - 8%/năm.
- Tài sản đảm bảo: Thế chấp tài sản là máy móc thiết bị, quyền tài sản và tài sản gắn liền với đất theo các Hợp đồng thế chấp số 01/06/NHNT.CG ngày 08/08/2006, số 01/07/MHMT.CG ngày 22/05/2007, số 65/08/TC ngày 28/02/2008, số 85/08/TC ngày 20/03/2008, số 134/2009/VCB ngày 17/04/2009, số 449/2009 ngày 16/10/2009, số 289/10 ngày 22/12/2010, số 112/12 ngày 24/04/2012, số 27/14/HĐTC/NHNT.TL ngày 07/04/2014, số 28/14/HĐTC/NHNT.TL ngày 07/04/2014, số 54/15/TC ngày 22/07/2015, ngày 24/16/KHBL ngày 01/02/2016 và số 11/HĐTC/VCB-HKC ngày 28/04/2017 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Dệt kim Hà Nội.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay trung hạn:

(b): Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 105/15/TDH ngày 23 tháng 7 năm 2015 với mục đích vay để nhập khẩu 15 máy dệt Computer 01 ống kim theo Hợp đồng ngoại số HKC-ZFI-20150714 ngày 14/7/2015 ký giữa Công ty Cổ phần Dệt kim Hà Nội và Fengjiatex (HK) Co.LTD nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn 48 tháng, lãi suất 4,5%/năm. Tài sản đảm bảo là: Tài sản hình thành từ vốn vay; 01 quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại 285 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 112483 do UBND Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/05/2004; 01 máy nén khí trục vít A-50; máy dệt các loại.
- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 76/16/KHBL ngày 03 tháng 02 năm 2016 với mục đích vay để nhập khẩu 20 máy dệt Computer 01 ống kim theo Hợp đồng ngoại số HKC-ZFI-20160120 ngày 20/01/2016 ký giữa Công ty Cổ phần Dệt kim Hà Nội và Fengjiatex (HK) Co.LTD nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn 48 tháng, lãi suất 4,5%/năm. Tài sản đảm bảo là: Tài sản hình thành từ vốn vay; 01 quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại 285 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 112483 do UBND Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/05/2004; 01 máy nén khí trục vít A-50; máy dệt các loại.
- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 28/TDH/VCB-HKC ngày 05 tháng 4 năm 2017 với mục đích vay để mua 07 máy dệt một ống kim model TK800, số seri: 17100, 17101, 17102, 17103, 17104, 17105, 17106 theo Hợp đồng ngoại số FJ170328 ngày 28/03/2017 ký giữa Công ty Cổ phần Dệt kim Hà Nội và Fengjiatex (HK) Co.Ltd. Thời hạn 48 tháng, lãi suất 4,5%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 03/2018/TDH/VBC-HKC ngày 04 tháng 5 năm 2018 với mục đích vay để mua 05 máy dệt kim bit tất model TK800, số seri: 18027, 18028, 18029, 18030, 18031 và 03 máy khâu bit tất model HT-301 theo Hợp đồng ngoại số HY-180202 ngày 02/02/2018 ký giữa Công ty Cổ phần Dệt kim Hà Nội và Fengjiatex (HK) Co.Ltd. Thời hạn 48 tháng, lãi suất 6,72%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

(c): Khoản vay Công ty Cổ phần Thi công cơ giới Xây lắp theo biên bản làm việc ngày 12 tháng 7 năm 2010 giữa Công ty và công ty Cổ phần Thi công cơ giới Xây lắp. Lãi suất là 9,5%/năm. Khoản vay này sẽ được bù trừ với 50% lợi nhuận Công ty được nhận theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 36/HĐLD ngày 08 tháng 6 năm 2005 và phụ lục hợp đồng số 11/2010/PLHĐTKD ngày 19 tháng 7 năm 2010 giữa Công ty và công ty Cổ phần Thi công cơ giới Xây lắp về việc hợp tác đầu tư xây dựng dự án Khu nhà ở Xuân Đình sau khi dự án hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
a. Phải trả người bán ngắn hạn	5.259.242.989	5.259.242.989	7.186.936.176	7.186.936.176
- Kawabe Corporation	1.387.511.484	1.387.511.484	3.108.860.744	3.108.860.744
- Công ty Cổ phần dệt may Phú Vĩnh Hưng	550.600.000	550.600.000	41.947.189	41.947.189
- GSI Creos Co.,Ltd	119.231.741	119.231.741	650.295.571	650.295.571
- Fengjiangtex(HK) Co.,Ltd	1.057.307.658	1.057.307.658	646.616.593	646.616.593
- Myanmar Co.,Ltd	448.717.296	448.717.296	354.920.632	354.920.632
- Shanghai Naxis Co.,Ltd	-	-	275.150.337	275.150.337
- Shanghai Xiangji Co.,Ltd	-	-	595.348.259	595.348.259
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	1.695.874.810	1.695.874.810	1.513.796.851	1.513.796.851
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	5.259.242.989	5.259.242.989	7.186.936.176	7.186.936.176

11. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8.101.600.000	8.101.600.000	25.389.217.600	25.389.217.600
- Cục Trang bị và Kho vận - Bộ Công an	7.169.250.000	7.169.250.000	25.346.200.000	25.346.200.000
- Công ty Liên doanh Lào	932.200.000	932.200.000	-	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	150.000	150.000	43.017.600	43.017.600
b. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
Cộng	8.101.600.000	8.101.600.000	25.389.217.600	25.389.217.600

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	1.169.259.886	1.169.259.886	-	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	87.697.086	87.697.086	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	756.966	756.966	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	47.400.302	915.952.670	767.400.302	-	195.952.670
- Thuế thu nhập cá nhân	-	548.625	129.213.740	129.762.365	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	963.723.916	-	715.719.771	199.318.843	447.322.988	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	12.498.365	-	38.683.513	38.683.437	12.498.289	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Cộng	976.222.281	47.948.927	3.062.283.632	2.397.878.885	459.821.277	195.952.670

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	674.063.305	20.179.510
- Chi phí lãi vay	3.360.948	20.179.510
- Trích trước chi phí hoa hồng phải trả	669.454.581	-
- Các khoản trích trước khác	1.247.776	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	674.063.305	20.179.510

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	264.476.155	1.110.116.539
- Kinh phí công đoàn	264.445.799	224.662.209
- Bảo hiểm xã hội	30.356	30.356
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	885.423.974
- + Công ty CP Đào tạo ứng dụng Aprotran	-	153.650.180
- + Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam	-	90.000.000
- + Các đối tượng khác	-	641.773.794
b. Dài hạn	917.392.080	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	917.392.080	-
Cộng	1.181.868.235	1.110.116.539

15. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	874.914.869	908.097.620
- Doanh thu cho thuê địa điểm nhận trước	874.914.869	908.097.620
b. Dài hạn	-	-
Cộng	874.914.869	908.097.620

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	24.000.000.000	7.249.594.037	1.652.041.415	2.826.640.699	35.728.276.151
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	2.953.241.818	2.953.241.818
Tăng khác	-	473.454.000	280.000.000	-	753.454.000
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(2.820.000.000)	(2.820.000.000)
Giảm khác	-	-	(473.454.000)	-	(473.454.000)
Số dư cuối năm trước	24.000.000.000	7.723.048.037	1.458.587.415	2.959.882.517	36.141.517.969
Số dư đầu năm nay					
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	3.596.392.153	3.596.392.153
Tăng khác	-	-	285.641.818	-	285.641.818
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	(2.953.241.818)	(2.953.241.818)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	24.000.000.000	7.723.048.037	1.744.229.233	3.603.032.852	37.070.310.122

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 158/NQ.DKHN ngày 23 tháng 6 năm 2018, cụ thể:

	Số tiền
- Trích quỹ đầu tư phát triển	285.641.818
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	147.600.000
- Chia cổ tức	2.520.000.000
Cộng	2.953.241.818

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Vốn góp của các đối tượng khác	24.000.000.000	100	24.000.000.000	100
+ Ông Nguyễn Tất Thắng	4.500.000.000	19	-	-
+ Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	-	-	4.500.000.000	19
+ Bà Đỗ Thị Thu Hà	4.000.000.000	17	4.000.000.000	17
+ Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt	3.740.000.000	16	3.740.000.000	16
+ Ông Bùi Tấn Anh	2.717.700.000	11	-	-
+ Ông Đỗ Quang Hiền	1.215.400.000	5	1.215.400.000	5
+ Các đối tượng khác	7.826.900.000	33	10.544.600.000	44
Cộng	24.000.000.000	100	24.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	24.000.000.000	24.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	24.000.000.000	24.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.520.000.000	2.400.000.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.400.000	2.400.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.400.000	2.400.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.400.000	2.400.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.400.000	2.400.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.400.000	2.400.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.744.229.233	1.458.587.415
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	7.723.048.037	7.723.048.037
Cộng	9.467.277.270	9.181.635.452

17. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	39.409,38	14.763,29

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	111.896.543.677	85.442.499.689
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.899.800.207	6.066.396.230
Cộng	117.796.343.884	91.508.895.919

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	2.085.402	2.484.900
- Giảm giá hàng bán	16.803.815	19.749.925
- Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng	18.889.217	22.234.825

03. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng đã bán	97.072.984.744	75.335.175.587
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.799.541.246	2.784.651.815
Cộng	99.872.525.990	78.119.827.402

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	791.602.022	1.561.020
- Lãi chênh lệch tỷ giá	261.232.475	124.877.171
Cộng	1.052.834.497	126.438.191

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	1.871.317.159	1.873.064.205
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	352.013.379	44.995.150
Cộng	2.223.330.538	1.918.059.355

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	14.000.000
- Thu hoàn thuế đất	-	1.304.283.256
- Thuế nhập khẩu được hoàn	6.789.358	270.629.932
- Các khoản khác	10.894.467	34.129.739
Cộng	17.683.825	1.623.042.927

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	18.806.025
- Thù lao HĐQT (Cho thành viên không trực tiếp điều hành)	-	80.875.000
- Các khoản khác	29.971.334	24.497.174
Cộng	29.971.334	124.178.199

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	7.152.479.872	5.238.213.119
- Chi phí nhân viên quản lý	4.615.592.629	3.470.140.291
- Chi phí vật liệu quản lý	84.183.622	41.103.592
- Chi phí đồ dùng văn phòng	94.064.118	40.996.419
- Chi phí khấu hao TSCĐ	323.516.024	323.516.024
- Thuế, phí và lệ phí	455.843.465	281.178.116
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	742.456.145	358.432.470
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	836.823.869	722.846.207
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	5.057.320.432	4.118.722.017
- Chi phí nhân viên	1.263.844.164	1.108.918.204
- Chi phí vật liệu, bao bì	119.982.411	74.379.802
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	12.851.288	39.562.330
- Chi phí khấu hao TSCĐ	47.475.807	56.780.364
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.151.593	2.254.156
- Chi phí khác bằng tiền	3.607.015.169	2.836.827.161
Cộng	12.209.800.304	9.356.935.136

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	915.952.670	763.900.302
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	915.952.670	763.900.302

(*) Chi tiết cách xác định thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.512.344.823	3.717.142.120
Các khoản điều chỉnh tăng	67.418.526	102.359.390
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	53.790.000	-
Chi phí không hợp lệ khác	13.628.526	102.359.390
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	4.579.763.349	3.819.501.510
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	915.952.670	763.900.302

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.596.392.153	2.953.241.818
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.596.392.153	2.953.241.818
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	147.600.000
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.400.000	2.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.498	1.169

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.596.392.153	2.953.241.818
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.596.392.153	2.953.241.818
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	147.600.000
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.400.000	2.400.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.498	1169

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018.

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.222.738.277
- Chi phí nhân công	25.043.140.939
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.928.119.303
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.396.033.330
- Chi phí khác bằng tiền	5.431.870.152
Cộng	99.021.902.001

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản bằng nhận nợ	496.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Tiền lương	566.498.034	510.441.000
Phụ cấp	34.268.000	27.000.000
Cộng	600.766.034	537.441.000

Đơn vị tính: VND

03. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Bán hàng: sản xuất và kinh doanh tất các loại, kinh doanh hàng hóa
- Dịch vụ: cho thuê văn phòng tại Đội Cấn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Bán hàng	Dịch vụ cho thuê văn phòng	Cộng
Năm nay			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	111.877.654.460	5.899.800.207	117.777.454.667
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	109.783.024.839	3.469.797.496	113.252.822.335
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	2.094.629.621	2.430.002.711	4.524.632.332
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	1.299.942.500	-	1.299.942.500
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.991.564.776	332.013.979	4.323.578.755
Số dư cuối năm			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	61.435.402.909	5.943.237.736	67.378.640.645
- Tài sản không phân bổ			7.797.218.177
Tổng tài sản	61.435.402.909	5.943.237.736	75.175.858.822
- Nợ phải trả bộ phận	34.846.449.846	2.889.791.067	37.736.240.913
- Nợ phải trả không phân bổ			369.307.787
Tổng nợ phải trả	34.846.449.846	2.889.791.067	38.105.548.700

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khu vực địa lý:

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh sau:

- Trong nước Việt Nam;
- Xuất khẩu ra nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

	Trong nước	Xuất khẩu	<i>Đơn vị tính: VND</i> Cộng
Năm nay			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	55.665.688.342	62.111.766.325	117.777.454.667
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	43.293.375.939	32.317.092.883	75.610.468.822
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	614.397.673	685.544.827	1.299.942.500

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.797.218.177	-	25.970.844.898	-	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.806.251.196	(832.347.200)	22.177.136.378	(832.347.200)	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	(*)	(*)
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	(*)	(*)
Cộng	9.603.469.373	(832.347.200)	48.147.981.276	(832.347.200)	(*)	(*)

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	5.259.242.989	7.186.936.176	(*)	(*)
Vay và nợ	17.258.849.245	32.599.200.745	(*)	(*)
Chi phí phải trả	674.063.305	20.179.510	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	-	885.423.974	(*)	(*)
Cộng	23.192.155.539	40.691.740.405	(*)	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Các khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	5.259.242.989	-	-	5.259.242.989
Vay và nợ	3.627.107.495	13.631.741.750	-	17.258.849.245
Chi phí phải trả	674.063.305	-	-	674.063.305
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	9.560.413.789	13.631.741.750	-	23.192.155.539
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	7.186.936.176	-	-	7.186.936.176
Vay và nợ	16.430.591.643	16.168.609.102	-	32.599.200.745
Chi phí phải trả	20.179.510	-	-	20.179.510
Các khoản phải trả khác	885.423.974	-	-	885.423.974
Cộng	24.523.131.303	16.168.609.102	-	40.691.740.405

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Lô 2, CN5 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K. Trong đó, một số chỉ tiêu được trình bày lại cho phù hợp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

STT	Nội dung	Mã số	Số liệu đã trình bày trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán	Số liệu trình bày lại trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	Chênh lệch
	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.000	1.169	169
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	Không áp dụng	1.169	-

09. Thông tin về hoạt động liên tục

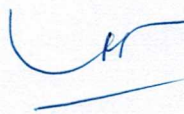
Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Bùi Bích Phong

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hợp

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2019

Giám đốc



Bùi Tấn Anh